

Số: 30 /TM – BVUB

Bắc Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Ung bướu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu: Mua máy gây mê kèm thở của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang. Các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ông Thế Huy.
 - Chức vụ: Trưởng phòng Vật tư – TBYT.
 - Điện thoại: 0868 389 555.
 - Email: thehuyyen@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – TBYT, Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00p ngày 15 tháng 4 năm 2024 đến trước 16h30p ngày 29 tháng 4 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2024.

II. Nội dung mời báo giá:

1. Danh mục trang thiết bị: tại Phụ lục kèm theo.
2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:
 - Khoa Phẫu Thuật – Gây mê hồi sức thuộc Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang.
 - Hàng khi giao hàng phải còn nguyên đai, nguyên kiện, còn nguyên niêm phong của hãng sản xuất, không có hiện tượng trầy xước, vỡ, ẩm ướt...
 - Mô tả cụ thể tại Phụ lục kèm theo.
 - Các đơn vị thực hiện báo giá theo mẫu kèm theo.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: xác định trong nội dung Hồ sơ mời thầu.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HSMS.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Danh Song

PHỤ LỤC: BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT

(Kèm theo thư mời báo giá số 30 /TM – BVUB ngày12/4/2024)

STT	Yêu cầu kỹ thuật
A	Yêu cầu chung
	Thiết bị được sản xuất năm 2023 trở về sau, mới 100%.
	Nhà sản xuất máy chính đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.
	Điện nguồn sử dụng: 220V/50Hz, phù hợp với điện áp tại Việt Nam.
	Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: Từ 18 °C – 40°C + Độ ẩm: Từ 30% - 90%
	Bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đưa thiết bị vào hoạt động.
B	Yêu cầu Cấu hình & Thông số kỹ thuật
1	Máy gây mê kèm thở có theo dõi khí mê: 01 máy
	Cấu hình tiêu chuẩn bao gồm: - Màn hình cảm ứng ≥ 15 inches: 01 cái. - Khối đo khí mê tích hợp trong máy: 01 cái. - Bộ dây cấp khí nén: 01 bộ. - Bộ dây cấp Oxy: 01 bộ. - Bộ thải khí mê: 01 bộ. - Bộ hấp thụ CO2 kèm bình vôi soda sử dụng nhiều lần: 01 bộ - Bình bốc hơi điện tử: 01 bình (cho khí mê Sevoflurane). - Bộ dây thở kèm bể nước cho người lớn sử dụng nhiều lần: 01 bộ. - Bộ dây thở kèm bể nước cho trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 bộ. - Mặt nạ gây mê cho người lớn sử dụng nhiều lần, chính hãng cung cấp: 01 cái - Mặt nạ gây mê cho trẻ em sử dụng nhiều lần, chính hãng cung cấp: 01 cái. - Bộ mặt nạ thở trẻ em, sử dụng nhiều lần: 01 bộ. - Bóng bóp silicone dùng nhiều lần: 01 cái. - Vòi soda: 01 bình. - Xe đẩy với hệ thống bánh xe có khóa và ngăn kéo để đồ: 01 bộ - Phôi giả kiểm tra máy: 01 cái. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng thiết bị (Tiếng Anh và Tiếng Việt): 01 bộ
2	Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật
2.1	Tính năng chung: - Màn hình cảm ứng màu, kích thước ≥15 inches - Có thể theo dõi được ≥ 3 dạng sóng đồng thời - Có thể theo dõi được các dạng sóng sau: áp lực (Paw), CO2, khí mê, lưu

STT	Yêu cầu kỹ thuật
	lượng. - Có chức năng chiếu sáng không gian làm việc ≥ 1 mức sáng. -Ắc quy trong có thể hoạt động tối thiểu 90 phút.
2.2	Tính năng phần gây mê: - Bộ trộn khí: Trộn khí cơ học hoặc điện tử hoặc tương đương. - Sử dụng được để gây mê cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh. - Có van giới hạn áp lực, cài đặt từ ≤ 5 - ≥ 70 hPa. - Có bộ thải khí mê thừa.
2.3	Tính năng phần máy thở: - Thông số kỹ thuật: + Sử dụng công nghệ piston hoặc bóng xếp hoặc bộ phản hồi thể tích hoặc tương đương + Thiết kế phù hợp với phương pháp gây mê dòng thấp. + Có chức năng theo dõi oxy dòng thấp, tránh thiếu hụt oxy khi gây mê dòng thấp + Có chế độ tạm dừng khí + Có các chế độ thở kiểm soát: PC, VC hoặc tương đương + Có chế độ thở hỗ trợ SIMV (chế độ thở máy cài đặt PC, VC). Có chức năng hỗ trợ áp lực (PS) cho các chế độ thở hỗ trợ + Tổng thể tích thở (không bao gồm bộ hấp thụ CO₂): ≥ 2 lít + Thể tích bình hấp thụ: ≥ 700 ml + Có khả năng bù thể tích do nén + Lưu lượng khí mới: $\leq 0,1$ đến ≥ 12 lít/ phút + Lưu lượng đẩy oxy cao nhất ≥ 50 lít/ phút + Lưu lượng oxy phụ trợ: 0 đến ≥ 10 lít/ phút
2.4	Thông số cài đặt: - 'Tần số thở: ≤ 4 đến ≥ 100 nhịp/ phút - Tỉ lệ I:E: $\leq 1:8$ đến $\geq 2:1$ - Thể tích khí lưu thông từ ≤ 10 đến ≥ 1500 ml - Độ nhạy kích hoạt trigger lưu lượng cài đặt ≤ 0.3 đến ≥ 2 lít/ phút - Mức lưu lượng thở vào: ≥ 180 L/ phút - PEEP: Từ ≤ 4 tới ≥ 30 cmH₂O - Áp lực hít vào từ PEEP + ≤ 5 đến ≥ 60 hPa (cmH₂O)
2.5	Các thông số đo đặc hiển thị, theo dõi: - Dải theo dõi áp lực đường thở: ≤ -20 đến ≥ 99 cmH₂O - Dải theo dõi thể tích lưu thông ≤ 5 đến 2000 ml - Dải theo dõi tần số thở ≤ 4 đến ≥ 100 nhịp - Dải theo dõi CO₂ từ 0 đến $\geq 10\%$ - Dải theo dõi thể tích phút: $\leq 0,5$ đến ≥ 20 l/ phút - Dải theo dõi O₂: 0 - 100% - Dải theo dõi Isoflurane: 0 - $\geq 5\%$

STT	Yêu cầu kỹ thuật
	- Dải theo dõi Sevoflurane: 0 - $\geq$ 8% - Dải theo dõi Desflurane: 0 - $\geq$ 18% - Có chức năng theo dõi, hiển thị chỉ số nồng độ phế nang tối thiểu (MAC)
2.6	Chức năng cảnh báo: - Có chức năng cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh. - Có chức năng cảnh báo thông khí phút (MV): Thấp/ Cao - Có chức năng báo động ngừng thở (Apnea) - Có chức năng cảnh báo áp lực đường thở: Cao - Có chức năng cảnh báo nồng độ % O₂: Thấp/ Cao
2.7	Xe đẩy: - Loại xe đẩy đồng bộ chính hãng, di chuyển bằng bánh xe và có phanh hãm. - Có ngăn tủ để phụ kiện. - Có bàn ghi chép cho bác sỹ.